

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **22/2021/DS-ST**

Ngày: 14-10-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Diệp.

2. Bà Phạm Thị Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn- kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2021/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Văn S, sinh năm 1965. Địa chỉ: đường Nguyễn Thị T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** ông Trần Hoàng P, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Ông S, bà L và ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có lời trình bày:

Vào ngày 26/6/2020 bà Nguyễn Thị L có mượn của bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu đồng) để trị bệnh cho chồng. Thời gian mượn là một tháng, tức ngày 26/7/2020 bà L phải trả cho bà T số tiền nêu trên theo giấy nợ

ngày 26/6/2020. Đến thời gian trả tiền thì bà L không trả và kéo dài đến ngày hôm nay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L và chồng là ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu) và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 27/7/2020 cho đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị L có lời trình bày:*

Bà thừa nhận có thiếu bà T số tiền 76.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 26/6/2020. Số tiền này không phải bà mượn một lần mà rất nhiều lần, đến ngày 26/6/2020 bà T kêu bà làm giấy nợ nội dung là mượn nợ trị bệnh cho chồng nhưng thật sự không phải. Chồng bà bệnh không đi lại được từ nhiều năm nay. Nợ này bà mượn riêng, ông P không biết nên không thể buộc ông P cùng trả. Bà đồng ý trả cho bà T số tiền 76.000.000đ này nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đ, bà không đồng ý trả lãi vì trước đây bà đã trả lãi quá nhiều rồi nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho việc trả lãi.

** Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2021 ông Trần Hoàng P có lời trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L, bản thân ông bị bệnh tai biến từ năm 2019. Tiền điều trị bệnh cho ông là tiền ông bán 1 công đất do mẹ ông để lại và anh chị em ông giúp đỡ, ông không biết việc bà L vay nợ của bà T nên không đồng ý trả nợ cùng bà T. Từ khi bị bệnh ông chỉ đi lại trong nhà nên không thể đến Tòa theo giấy triệu tập. Ông có yêu cầu Tòa án xử vắng mặt.

** Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền là 76.000.000đ tiền vốn và mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ tháng 9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về trách nhiệm liên đới: do hồ sơ không thể hiện việc ông P và bà L còn sống chung nhà hay không, có thỏa thuận làm ăn kinh tế riêng hay không nên kiểm sát viên không phát biểu quan điểm về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P cư trú tại ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn S và bị đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hoàng P có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông S bà L và ông P là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bà Nguyễn Thị L. Hợp đồng này có làm giấy nhận nợ ngày 26/6/2020 và được hai bên thừa nhận nên được xem là có cơ sở pháp lý, từ cơ sở này đã xác định được tài sản mà bà Nguyễn Thị L có nợ bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu) đồng. Qua hợp đồng này thấy rằng bà Nguyễn Thị L đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng, bà T khởi kiện bà L vi phạm hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy phải buộc bà L thực hiện nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu) đồng là hoàn toàn đúng pháp luật.

Về lãi suất: bà T yêu cầu bà L phải trả lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 27/7/2020 cho đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là phù hợp. Lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 là 10%/năm. Từ ngày 27/7/2020 đến ngày 14/10/2021 là 14 tháng 17 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau : $76.000.000đ \times 0,83\% \times 14 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 9.188.000đ$.

Số tiền vốn vay 76.000.000đ + 9.188.000đ tiền lãi = 85.188.000đ

[3] Về trách nhiệm liên đới: ông Trần Hoàng P là chồng hợp pháp của bà Nguyễn Thị L. Giấy nhận nợ ngày 26/6/2020 bà L ghi mượn nợ để trị bệnh cho chồng và trên thực tế ông P có bệnh tai biến từ năm 2019 hiện đang nằm dưỡng bệnh tại nhà.

Tuy ông P không có ký tên vào giấy nhận nợ và cho rằng không biết việc bà L vay tiền của bà T, nhưng là vợ chồng cùng sống chung và cùng nhau sinh hoạt chung, hưởng lợi ích chung cùng nhau nên phải buộc trách nhiệm liên đới là phù hợp điều 27 luật Hôn nhân và gia đình.

Bà L xin được trả dần số tiền nêu trên nhưng bà T không đồng ý. Xét thấy đây là giai đoạn thi hành án, nên HĐXX không xét đến.

[4] Về án phí: do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà L và ông P phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: $85.188.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.259.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 85.188.000đ (Tám mươi lăm triệu một trăm tám mươi tám ngàn) đồng. Trong đó gồm: 76.000.000đ tiền vốn và 9.188.000đ tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P liên đới chịu số tiền là 4.259.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi chín ngàn) đồng.

Hoàn trả số tiền 2.042.000đ (hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Hồng T theo biên lai thu số 0007958 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Tiến